

Bản án số: 306/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2020

“ V/v tranh chấp ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Cương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Đức Hiếu**

Bà **Nguyễn Thị Vinh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thị Hoàng Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà **Trần Lê Phụng** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 175/2020/TLST – HNGĐ ngày 17/6/2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 21/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị M**, sinh năm 1974 Địa chỉ: Số 96 đường L, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Lê Tự D**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 96 đường L, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2020 và bản tự khai ngày 16/7/2020 và tại biên bản hòa giải ngày 16/7/2020 thì nguyên đơn bà Đoàn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Tự D kết hôn với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống tại địa chỉ: 101 đường H, phường K, quận C, TP Đà Nẵng. Đến năm 2015, vợ chồng chuyển về sinh sống tại địa chỉ: Số 96 L, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng cho đến nay. Trong quá trình chung sống

đến năm 2011 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bị đơn ông Lê Tự D không lo làm ăn, chăm lo gia đình mà nhiều lần vay nợ xã hội đen, không rõ sử dụng vào việc gì, từ đó dẫn đến nợ nần nhiều người, năm 2012 gia đình đã phải bán nhà trả nợ cho ông D. Dù vậy, bà đã tha thứ bỏ qua cho ông D, tiếp tục chung sống để nuôi dạy con cái trưởng thành. Nhưng ông D vẫn không thay đổi, tiếp tục nợ nần nhiều người, không lo làm ăn và dạy dỗ con cái. Hơn nữa, ông D thường xuyên dùng lời lẽ lăng mạ và sỉ nhục bà. Nay bà M xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt mục đích, đời sống chung không thể kéo dài nên bà M đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Tự D.

- *Về con chung*: Bà M xác định bà và ông Lê Tự D có với nhau 02 con chung tên là Lê Tự Khánh D, sinh ngày 27/9/2005 và Lê Đoàn Bảo N, sinh ngày 10/7/2007. Ly hôn, bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/con chung (02 con chung là 2 triệu đồng/1 tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Bà Đoàn Thị M xác định không có.

- *Về nợ chung*: Bà Đoàn Thị M xác định không có.

Tại bản tự khai ngày 16/7/2020 và tại biên bản hòa giải ngày 16/7/2020 bị đơn ông Lê Tự D trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông D xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn như lời trình bày của bà M là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn đỉnh điểm là từ tháng 06 năm 2020. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, bản thân ông không có việc làm, không có thu nhập vì vậy vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, hay cãi vã nhau. Tuy nhiên, ông cho rằng vẫn còn tình cảm yêu thương vợ vì vậy, ông mong muốn được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái tốt hơn nên ông không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Ông D xác định: Ông và bà M có với nhau 02 con chung tên là Lê Tự Khánh D, sinh ngày 27/9/2005 và Lê Đoàn Bảo N, sinh ngày 10/7/2007. Trường hợp nếu phải ly hôn, tôi sẽ tôn trọng nguyện vọng của các con, các con muốn ở với ba hay mẹ thì tùy các con quyết định.

- *Về tài sản chung*: Ông D xác định không có.

- *Về nợ chung*: Ông D xác định không có.

Tại phiên tòa hôm nay bà Đoàn Thị M giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Tự D vì mâu thuẫn vợ chồng bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Về con chung, bà M yêu cầu Tòa án giao 02 con Lê Tự Khánh D, sinh ngày 27/9/2005 và Lê Đoàn Bảo N, sinh ngày 10/7/2007 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu ông Lê Tự D cấp dưỡng nuôi

con chung mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000 đồng (02 con chung là 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung bà M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Lê Tự D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định tại các Điều từ Điều 239 đến Điều 243; Điều 247; Điều 249 đến Điều 252; Điều 258 và Điều 260 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc tuyên thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đương sự là bị đơn ông Lê Tự D chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Đoàn Thị M và ông Lê Tự D đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị M, xử cho bà M được ly hôn ông Lê Tự D.

Về con chung: Bà M, ông D thống nhất xác định vợ chồng ông bà có 02 tên Lê Tự Khánh D, sinh ngày 27/9/2005 và Lê Đoàn Bảo N, sinh ngày 10/7/2007. Ly hôn bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Xét thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất về thể chất cũng như tinh thần của trẻ em trên cơ sở tôn trọng ý kiến, nguyện vọng của các cháu. Theo bản tự khai của các cháu D, cháu N thì các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Bản thân bà M có chỗ ở, có việc làm, có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng các con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, giao 02 con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Việc nguyên đơn bà Đoàn Thị M yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, mức yêu cầu là phù hợp, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Lê Tự D phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/ mỗi con, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày ly hôn cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Về án phí: Nguyên đơn bà Đoàn Thị M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình; Bị đơn ông Lê Tự D phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, bị đơn là ông Lê Tự D có nơi cư trú tại: Số 96 đường L, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Lê Tự D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không có lý do. Đây là lần vắng mặt thứ 02 không có lý do của bị đơn. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Lê Tự D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Đoàn Thị Mỹ và ông Lê Tự D kết hôn với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đoàn Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Tự D vì bà cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Bị đơn ông Lê Tự D vắng mặt nhưng theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 16/7/2020 thể hiện ông D muốn đoàn tụ để nuôi dạy con cái tốt hơn.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng giữa năm 2011 thì vợ chồng bà M, ông D bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bản thân ông D thiếu trách nhiệm với gia đình, không lo tu dưỡng làm ăn, chăm sóc gia đình mà nợ nần nhiều người (*nguyên đơn không rõ việc ông Dũng vay mượn tiền sử dụng vào mục đích gì*), làm ảnh hưởng đến cuộc sống của vợ, con. Hậu quả năm 2012 vợ chồng bà M, ông D phải bán nhà để trả nợ cho ông D. Bà M đã nhiều lần tha thứ, bỏ qua mong ông D thay đổi tu chí làm ăn, xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái tốt hơn. Nhưng ông D vẫn không lo tu chí làm ăn mà tiếp tục nợ nần, nhiều lần bị người khác đến nhà đe dọa cả gia đình để đòi nợ, từ đó ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình, làm cho hôn nhân không được hạnh phúc. Từ khi bà M nộp đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà càng trầm trọng hơn. Hiện bà M xác định không còn tình cảm yêu thương gì với ông D nên mong Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D. Bản thân ông D cũng xác nhận giữa vợ chồng

ông có mâu thuẫn, ông mong muốn đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Nhưng ông D thiếu hợp tác, không tham gia các phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Điều đó chứng tỏ ông D không có thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà M, ông D tại địa phương xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà M, ông D có mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm được vì gia đình bà M, ông D không báo với chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà M, ông D đã thực sự đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị M, xử cho bà M được ly hôn với ông Lê Tự D.

[4] Về quan hệ con chung: Bà M, ông D thống nhất xác định vợ chồng ông bà có 02 tên Lê Tự Khánh D, sinh ngày 27/9/2005 và Lê Đoàn Bảo N, sinh ngày 10/7/2007. Ly hôn bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 1.000.000 đồng/mỗi con, cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông D cũng xác định, nếu vợ chồng ông phải ly hôn thì ông tôn trọng ý kiến, nguyện vọng của các con.

Xét yêu cầu của các đương sự thì thấy: Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc phải đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ em về cả tinh thần lẫn vật chất, trên cơ sở tôn trọng ý kiến nguyện vọng của các cháu. Tại bản tự khai các cháu Lê Tự Khánh D, Lê Đoàn Bảo N có nguyện vọng được ở với mẹ. Hiện bà M có công việc và chỗ ở ổn định, có thu nhập đảm bảo điều kiện chăm sóc con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, giao các con chung Lê Tự Khánh D, sinh ngày 27/9/2005 và Lê Đoàn Bảo N, sinh ngày 10/7/2007 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Bà M yêu cầu ông Lê Tự D phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một triệu đồng/ mỗi con chung. Hội đồng xét xử thấy việc bà M yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở, mức yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung Lê Tự Khánh D, sinh ngày 27/9/2005 và Lê Đoàn Bảo N, sinh ngày 10/7/2007 mỗi tháng 1.000.000 đồng/mỗi con chung (02 con là 2 triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2020 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà Đoàn Thị M và ông Lê Tự D thống nhất xác định không có nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Đoàn Thị M và ông Lê Tự D thống nhất xác định không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Đoàn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; ông Lê Tự D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 147, 227, 228, 266, 267, 269, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị M đối với ông Lê Tự D về việc “Tranh chấp ly hôn”.

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Bà Đoàn Thị M được ly hôn với ông Lê Tự D.

2.2 Về con chung: Giao 02 con chung tên: Lê Tự Khánh D, sinh ngày 27/9/2005 và Lê Đoàn Bảo N, sinh ngày 10/7/2007 cho bà Đoàn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Buộc ông Lê Tự D phải cấp dưỡng nuôi con chung Lê Tự Khánh D, sinh ngày 27/9/2005 và Lê Đoàn Bảo Ng, sinh ngày 10/7/2007 mỗi tháng 1.000.000 đồng/mỗi con chung (*02 con chung là 2.000.000 đồng/tháng*). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2020 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì họ phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.3 Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị M và ông Lê Tự D thống nhất xác định không có nên không xem xét.

2.4 Về nợ chung: Bà Đoàn Thị M và ông Lê Tự D thống nhất xác định không có nên không xem xét.

3. Về án phí:

- Bà Đoàn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0001179 ngày 17/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ (*như vậy bà Mỹ đã nộp đủ án phí*).

- Ông Lê Tự D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đường sự;
- Chi cục THA DS quận Cẩm Lệ;
- UBND xã Điện Thắng,
huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Cường

